

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THỦY LỢI SÔNG ĐÁY  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Điều hành, quản lý</b>	2 - 3
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	4 - 5
<b>Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 24
<i>Phụ lục số 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</i>	22
<i>Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính</i>	23
<i>Phụ lục số 03: Vốn chủ sở hữu</i>	24



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Ban Điều hành, quản lý Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **Ban Điều hành, quản lý, kiểm soát viên, kế toán trưởng**

Ban Điều hành, quản lý, kiểm soát viên, kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Trần Đình Cường	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Tiến Tấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Đào Xuân Thi	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Năng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Kiểm soát viên
Bà Phạm Thu Hà	Kế toán trưởng

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành, quản lý**

Ban Điều hành, quản lý Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành, quản lý được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành, quản lý Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Điều hành, quản lý cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành, quản lý xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

**Thay mặt Ban Điều hành, quản lý**

**Chủ tịch**



**Trần Đình Cường**



Số: 29/BCKT/VNAА

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Điều hành, quản lý**  
**Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26/02/2026, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành, quản lý

Ban Điều hành, quản lý Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành, quản lý xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, quản lý cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tel : 0243 736 7659  
: 0243 736 8309  
Hotline : 0985180898  
Email : hanhchinhvnaa@gmail.com  
Add : 16A Ngõ 181 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội



## Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VI.1 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả doanh thu cung cấp dịch vụ thủy lợi năm 2025 của Công ty đã được nghiệm thu với Ban quản lý, duy tu các công trình nông nghiệp và môi trường Hà Nội - Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội là 235.599.594.947 VND, bao gồm kinh phí điện bơm chênh lệch giữa tiền điện thực tế và tiền điện theo diện tích nghiệm thu chưa được thanh toán là 2.917.386.424 VND. Kinh phí này chỉ được thanh toán khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên.



PHẠM THỊ HOẠT

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0503-2023-150-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN,  
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VNAA)**

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 6154-2023-150-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>86.862.465.508</b>	<b>159.069.273.748</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>34.785.937.809</b>	<b>145.142.633</b>
1. Tiền	111	V.01	34.785.937.809	145.142.633
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.690.609.055</b>	<b>157.675.639.415</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	50.534.952.747	156.396.972.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.563.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.073.998.627	2.212.571.934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.04	(933.905.319)	(933.905.319)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.232.765.261</b>	<b>1.072.686.341</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	1.232.765.261	1.072.686.341
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>153.153.383</b>	<b>175.805.359</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.08	153.153.383	175.805.359
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.693.210.305.596</b>	<b>1.677.804.726.597</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.693.177.611.909</b>	<b>1.677.714.254.573</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.693.177.611.909	1.677.714.254.573
- Nguyên giá	222		1.756.723.492.941	1.741.979.806.458
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.545.881.032)	(64.265.551.885)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.693.687</b>	<b>90.472.024</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32.693.687	90.472.024
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.780.072.771.104</b>	<b>1.836.874.000.345</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>76.119.984.043</b>	<b>148.028.701.320</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>75.994.404.488</b>	<b>147.894.489.438</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	34.373.971.208	94.256.061.708
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	18.785.148	17.103.217
3. Phải trả người lao động	314		30.696.963.826	36.341.123.634
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.09	15.422.728	52.484.545
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	176.878.821	2.709.556.659
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	-	7.511.743.658
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10.712.382.757	7.006.416.017
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>125.579.555</b>	<b>134.211.882</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.09	30.845.455	46.268.182
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.12	94.734.100	87.943.700
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.703.952.787.061</b>	<b>1.688.845.299.025</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>1.703.952.787.061</b>	<b>1.688.845.299.025</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.681.189.102.341	1.514.011.365.305
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.442.720	1.442.720
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		22.762.242.000	174.832.491.000
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.780.072.771.104</b>	<b>1.836.874.000.345</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương

Phạm Thu Hà



Trần Đình Cường

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

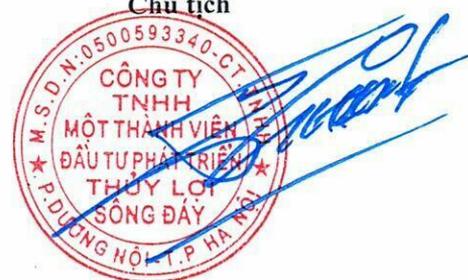
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	236.038.342.038	230.091.105.390
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		236.038.342.038	230.091.105.390
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	185.535.373.766	199.384.674.715
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.502.968.272	30.706.430.675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	40.821.627	23.983.594
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	407.101.534	14.923.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		407.101.534	14.923.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	31.240.875.866	17.792.200.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.895.812.499	12.923.291.032
11. Thu nhập khác	31	VI.05	185.571.019	353.288.229
12. Chi phí khác	32	VI.06	51.736.465	70.854.063
13. Lợi nhuận khác	40		133.834.554	282.434.166
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.029.647.053	13.205.725.198
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	48.617.244	62.582.066
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.981.029.809	13.143.143.132

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch



Nguyễn Thị Phương

Phạm Thu Hà

Trần Đình Cường

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		341.915.458.276	174.572.903.017
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(168.640.011.477)	(76.863.591.470)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(95.053.677.630)	(77.700.417.383)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(405.079.034)	(14.589.350)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(62.705.033)	(33.007.388)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.588.900.920	2.144.484.317
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.408.103.470)	(27.834.670.885)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>41.934.782.552</b>	<b>(5.728.889.142)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		176.934.655	(49.768.616)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.821.627	23.983.594
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>217.756.282</b>	<b>(25.785.022)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		22.947.679.410	7.511.743.658
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.459.423.068)	(1.850.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.511.743.658)</b>	<b>5.661.743.658</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>34.640.795.176</b>	<b>(92.930.506)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		145.142.633	238.073.139
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	34.785.937.809	145.142.633

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Nguyễn Thị Phương

Phạm Thu Hà

Trần Đình Cường

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy được thành lập theo Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 13/05/2010 của UBND thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500593340 ngày 07/09/2010 và được thay đổi lần thứ 5 ngày 07/10/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp - Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500593340 thay đổi lần thứ 5 ngày 07/10/2025 thì Vốn điều lệ của Công ty là 736.000.000.000 VND (Bảy trăm ba mươi sáu tỷ đồng chẵn). Ngày 27/6/2019, UBND Thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3435/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy thì số vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 1.745.000.000.000 VND (Một nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở Công ty tại: Đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 875 người (ngày 31/12/2024: 872 người).

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

- Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, kinh tế (ngành nghề kinh doanh chính);
- Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Gia công cơ khí, sửa chữa thiết bị cơ điện, thiết bị thủy lợi;
- Xây lắp đường điện và trạm biến áp 35KV;
- Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thủy sản;
- Dịch vụ du lịch, du lịch sinh thái;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và vật liệu khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng nhỏ (nhóm C);
- Đúc các cấu kiện bê tông, bê tông cốt thép loại nhỏ;
- Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ vận tải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

##### *Danh sách các đơn vị trực thuộc*

- Xí nghiệp Đầu tư phát triển thủy lợi Đan Hoài;
- Xí nghiệp Đầu tư phát triển thủy lợi La Khê;
- Xí nghiệp Đầu tư phát triển thủy lợi Chương Mỹ;

- Xí nghiệp Đầu tư phát triển thủy lợi Mỹ Đức;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy.

## **5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và Chi nhánh. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

### **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, cụ thể như sau:
  - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
    - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
    - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
    - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
    - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
  - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 24/2025/TT-BTC ngày 9 tháng 5 năm 2025 hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 73/2018/TT-BTC, thì một số tài sản của Công ty không phải trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
- Kết cấu hạ tầng thủy lợi	30 năm

Trong đó, căn cứ theo Nghị định 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 và Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 23/06/2025 về việc ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đặt hàng các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội, Công ty chỉ trích khấu hao đối với những TSCĐ mà chi phí khấu hao được cấu thành trong đơn giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là những TSCĐ dùng trong văn phòng.

## 6. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về hoạt động cho thuê mặt nước hồ. Việc phân bổ để ghi nhận vào doanh thu được thực hiện theo số năm khách hàng trả tiền trước.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay của Công ty được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản ở Công ty phải chấp hành và tôn trọng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản hiện hành.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập*****Doanh thu cung cấp dịch vụ hoạt động công ích về thủy lợi***

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở số tiền thực được cơ quan ban ngành quyết toán hàng năm dựa trên cơ sở đơn đặt hàng trong năm.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

**12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

#### 14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

##### Các nghĩa vụ về thuế

##### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động kinh doanh khác, hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi không chịu thuế giá trị gia tăng.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập tính thuế đối với hoạt động kinh doanh khác và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công ích.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Đơn vị tính: VND

01. Tiền		31/12/2025	01/01/2025	
Tiền mặt		631.247.450	41.206.661	
Tiền gửi ngân hàng		34.154.690.359	103.935.972	
<b>Cộng</b>		<b>34.785.937.809</b>	<b>145.142.633</b>	
02. Phải thu của khách hàng		31/12/2025	01/01/2025	
<i>Ngắn hạn</i>		<b>50.534.952.747</b>	<b>156.396.972.800</b>	
Ban Quản lý, duy tu các công trình nông nghiệp và Môi trường Hà Nội		50.463.646.947	156.368.612.000	
Các khoản phải thu của khách hàng khác		71.305.800	28.360.800	
<b>Cộng</b>		<b>50.534.952.747</b>	<b>156.396.972.800</b>	
03. Phải thu khác		31/12/2025	01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<b>1.073.998.627</b>	<b>933.905.319</b>	<b>2.212.571.934</b>	<b>933.905.319</b>
Phải thu khác	1.073.998.627	933.905.319	2.212.571.934	933.905.319
<i>Phải thu cán bộ nhân viên tiền bảo hiểm</i>	137.216.880	-	1.277.763.327	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Đức Hương</i>	190.937.615	190.937.615	190.937.615	190.937.615
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel</i>	334.423.844	334.423.844	334.423.844	334.423.844
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp điện và Viễn thông</i>	69.441.000	69.441.000	69.441.000	69.441.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật Thăng Long</i>	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000
<i>Hoàng Thành Công</i>	319.102.860	319.102.860	319.102.860	319.102.860
<i>Phải thu khác</i>	2.876.428	-	903.288	-
<b>Cộng</b>	<b>1.073.998.627</b>	<b>933.905.319</b>	<b>2.212.571.934</b>	<b>933.905.319</b>
04. Nợ xấu		31/12/2025	01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<i>Phải thu khác</i>	<b>933.905.319</b>	-	<b>933.905.319</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Đức Hương (*)	190.937.615	-	190.937.615	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel (*)	334.423.844	-	334.423.844	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện và Viễn thông (*)	69.441.000	-	69.441.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật Thăng Long (*)	20.000.000	-	20.000.000	-
Hoàng Thành Công	319.102.860	-	319.102.860	-
<b>Cộng</b>	<b>933.905.319</b>	-	<b>933.905.319</b>	-

(\*) Đây là các khoản phải thu theo biên bản Kiểm toán nhà nước và Thanh tra thành phố Hà Nội. Các khoản phải thu này hiện nay không có khả năng thu hồi, Công ty đang trích lập dự phòng 100% vào chi phí tại thời điểm 31/12/2025.

05. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.200.387.681	-	1.059.868.041	-
Công cụ, dụng cụ	32.377.580	-	12.818.300	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.232.765.261</b>	<b>-</b>	<b>1.072.686.341</b>	<b>-</b>

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Xem chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo này

07. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.373.971.208</b>	<b>34.373.971.208</b>	<b>94.256.061.708</b>	<b>94.256.061.708</b>
Công ty Điện lực Chương Mỹ	-	-	9.950.823.070	9.950.823.070
Công ty Điện lực Đan Phượng	-	-	4.180.759.287	4.180.759.287
Công ty Điện lực Thanh Oai	-	-	8.647.731.926	8.647.731.926
Công ty Điện lực Mỹ Đức	-	-	7.554.221.816	7.554.221.816
Công ty Điện lực Ứng Hòa	6.116.338.803	6.116.338.803	-	-
Công ty điện lực Thường Tín	3.985.527.438	3.985.527.438	960.534.723	960.534.723
Công ty Cổ phần XD & TM Gia Phú	2.336.016.000	2.336.016.000	3.068.793.000	3.068.793.000
Công ty cổ phần XD và DVTM Minh Hồng	1.794.766.000	1.794.766.000	1.848.288.000	1.848.288.000
Công ty Cổ phần xây dựng và CN Hoàng Nam	29.325.000	29.325.000	1.418.733.000	1.418.733.000
Công ty TNHH Cơ điện Thủy lợi Hưng Yên	2.807.576.000	2.807.576.000	7.155.367.000	7.155.367.000
Công ty TNHH Cơ điện An Cường	2.106.852.000	2.106.852.000	5.641.942.000	5.641.942.000
Các đối tượng khác	15.197.569.967	15.197.569.967	43.828.867.886	43.828.867.886
<b>Cộng</b>	<b>34.373.971.208</b>	<b>34.373.971.208</b>	<b>94.256.061.708</b>	<b>94.256.061.708</b>

08. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2025
	<b>a) Phải nộp</b>			
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	15.320.867	58.995.866	64.774.170	9.542.563
Thuế TNDN	1.782.350	48.617.244	45.816.326	4.583.268
Thuế thu nhập cá nhân	-	458.142.501	453.483.184	4.659.317
Phí, lệ phí, thuế khác	-	135.880.000	135.880.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.103.217</b>	<b>701.635.611</b>	<b>699.953.680</b>	<b>18.785.148</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế TNDN	136.264.676	-	16.888.707	153.153.383
Thuế thu nhập cá nhân	39.540.683	39.540.683	-	-
<b>Cộng</b>	<b>175.805.359</b>	<b>39.540.683</b>	<b>16.888.707</b>	<b>153.153.383</b>

Trong đó: Tổng số thuế phát sinh trong năm 2025 là:

	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	
Thuế giá trị gia tăng	58.995.866	64.774.170	VND
Thuế TNDN	48.617.244	62.705.033	VND
Thuế thu nhập cá nhân	497.683.184	453.483.184	VND
Phí, lệ phí, thuế khác	135.880.000	135.880.000	VND
<b>Cộng</b>	<b>741.176.294</b>	<b>716.842.387</b>	<b>VND</b>

<b>09. Doanh thu chưa thực hiện</b>		31/12/2025	01/01/2025
<i>a) Ngắn hạn</i>		<b>15.422.728</b>	<b>52.484.545</b>
Doanh thu chưa thực hiện cho thuê mặt nước hồ		15.422.728	52.484.545
<i>b) Dài hạn</i>		<b>30.845.455</b>	<b>46.268.182</b>
Doanh thu chưa thực hiện cho thuê mặt nước hồ		30.845.455	46.268.182
<b>Cộng</b>		<b>46.268.183</b>	<b>98.752.727</b>
<b>10. Phải trả khác</b>		31/12/2025	01/01/2025
<i>Ngắn hạn</i>		<b>176.878.821</b>	<b>2.709.556.659</b>
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm		149.055.221	2.709.198.027
Phải trả khác		27.823.600	358.632
<b>Cộng</b>		<b>176.878.821</b>	<b>2.709.556.659</b>
<b>11. Vay và nợ thuê tài chính</b>			
Xem chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Báo cáo này			
<b>12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</b>		Năm 2025	Năm 2024
Số đầu năm		87.943.700	78.541.700
Trích lập quỹ		6.790.400	9.402.000
<b>Số cuối năm</b>		<b>94.734.100</b>	<b>87.943.700</b>
<b>13. Vốn chủ sở hữu</b>			
<i>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>			
Xem chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo Báo cáo này			
<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>		31/12/2025	01/01/2025
Vốn góp của nhà nước		1.681.189.102.341	1.514.011.365.305
<b>Cộng</b>		<b>1.681.189.102.341</b>	<b>1.514.011.365.305</b>
<i>c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu</i>		Năm 2025	Năm 2024
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		1.514.011.365.305	1.355.544.040.746
Vốn góp đầu kỳ		168.492.408.000	158.623.353.330
Vốn góp tăng trong kỳ		(1.314.670.964)	(156.028.771)
Vốn góp giảm trong kỳ		1.681.189.102.341	1.514.011.365.305
Vốn góp cuối kỳ			
<i>d) Các quỹ của doanh nghiệp</i>			
Khoản mục	01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm
Quỹ đầu tư phát triển	1.442.720	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.442.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
			31/12/2025
			1.442.720
			<b>1.442.720</b>

(\* ) Mục đích trích lập và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị tính: VND

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu cung cấp dịch vụ thủy lợi (*)	235.599.594.947	229.663.115.000
Doanh thu hoạt động khác	438.747.091	427.990.390
<b>Cộng</b>	<b>236.038.342.038</b>	<b>230.091.105.390</b>

(\*) Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội năm 2025 số 29/BBNT-BQLDT ngày 31/12/2025 với Ban quản lý, duy tu các công trình nông nghiệp và môi trường Hà Nội - Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội thì kinh phí nghiệm thu đặt hàng là 235.599.594.947 VND. Trong đó bao gồm kinh phí điện bom chênh lệch giữa tiền điện thực tế và tiền điện theo diện tích nghiệm thu chưa được thanh toán là 2.917.386.424 VND. Kinh phí này chỉ được thanh toán khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

02. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn cung cấp dịch vụ thủy lợi	185.535.373.766	199.384.674.715
<b>Cộng</b>	<b>185.535.373.766</b>	<b>199.384.674.715</b>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi	40.821.627	23.983.594
<b>Cộng</b>	<b>40.821.627</b>	<b>23.983.594</b>

04. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	407.101.534	14.923.000
<b>Cộng</b>	<b>407.101.534</b>	<b>14.923.000</b>

05. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Thu từ vật tư được tặng	-	26.082.200
Thu từ thanh lý tài sản cố định (*)	176.934.655	268.180.530
Thu nhập khác	8.636.364	59.025.499
<b>Cộng</b>	<b>185.571.019</b>	<b>353.288.229</b>

(\*) Trong đó:

- Chi phí thanh lý tài sản cố định xe ô tô	17.610.800	VND
- Thu từ thanh lý tài sản cố định xe ô tô	194.545.455	VND
- Chênh lệch thu chi từ thanh lý tài sản cố định xe ô tô	176.934.655	VND

06. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Tiền chậm nộp, phạt chậm nộp thuế, BHXH	21.736.465	7.106.064
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	49.768.616
Chi phí dịch vụ đấu giá, thẩm định giá tài sản	-	13.927.530
Chi phí khác	30.000.000	51.853
<b>Cộng</b>	<b>51.736.465</b>	<b>70.854.063</b>

**07. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên	10.654.474.219	8.670.558.518
Chi phí vật liệu quản lý	778.557.610	673.581.293
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.619.585.880	1.521.164.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	708.809.900	431.842.600
Thuế, phí, lệ phí	135.880.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.416.598.678	1.109.549.597
Chi phí khác bằng tiền	10.926.969.579	5.381.503.918
<b>Cộng</b>	<b>31.240.875.866</b>	<b>17.792.200.237</b>

**08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.647.478.208	37.176.561.978
Chi phí nhân công	118.726.614.707	101.900.721.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	708.809.900	431.842.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.614.638.678	71.329.882.877
Chi phí khác bằng tiền	12.078.708.139	6.337.865.698
<b>Cộng</b>	<b>216.776.249.632</b>	<b>217.176.874.952</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.029.647.053	13.205.725.198
Các khoản điều chỉnh	51.736.465	7.157.917
- Chi phí không được trừ	51.736.465	7.157.917
Tổng thu nhập chịu thuế	19.081.383.518	13.212.883.115
Thu nhập miễn thuế	18.831.506.895	12.890.570.785
Thu nhập tính thuế	249.876.623	322.312.330
Trích lập quỹ khoa học công nghệ	6.790.400	9.402.000
Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ khoa học công nghệ	243.086.223	312.910.330
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	48.617.244	62.582.066

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Điều hành, quản lý Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, quản lý, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**02. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm 2025 như sau:

Họ và tên	Chức danh	Lương	Thu nhập khác	Tổng thu nhập
1. Ông Trần Đình Cường	Chủ tịch	617.723.100	31.524.000	649.247.100
2. Ông Nguyễn Tiến Tấn	Phó Tổng Giám đốc	452.628.500	31.404.000	484.032.500
3. Ông Đào Xuân Thi	Phó Tổng Giám đốc	450.858.900	31.404.000	482.262.900
4. Ông Nguyễn Tiến Năng	Phó Tổng giám đốc	460.532.400	31.404.000	491.936.400
5. Ông Nguyễn Xuân Trường	Kiểm soát viên	461.030.800	29.044.000	490.074.800
6. Bà Phạm Thu Hà	Kế toán trưởng	413.580.200	29.004.000	442.584.200
<b>Cộng</b>		<b>2.856.353.900</b>	<b>183.784.000</b>	<b>3.040.137.900</b>

03. Báo cáo bộ phận

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động Thủy lợi	Doanh thu khác	Tổng cộng
235.599.594.947	438.747.091	236.038.342.038

b) Theo khu vực địa lý

Hiện tại, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam.

Người lập

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Phạm Thu Hà

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026



Trần Đình Cường

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**CÔNG TY TNHH MTV ĐPT THỦY LỢI SÔNG ĐÁY**  
Địa chỉ: Lê Trọng Tấn - P. Dương Nội - TP. Hà Nội

Phụ lục số 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, DCQL	Kênh mương cầu cống	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	403.620.279.471	374.965.346.585	3.145.450.374	242.555.000	960.006.175.028	1.741.979.806.458
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.515.068.000	1.153.548.000	-	-	11.438.872.036	15.107.488.036
Mua trong năm	-	-	890.000.000	174.679.200	-	1.064.679.200
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-	(1.395.038.374)	-	-	(1.395.038.374)
Giảm khác	-	(33.442.379)	-	-	-	(33.442.379)
Số dư tại ngày 31/12/2025	406.135.347.471	376.085.452.206	2.640.412.000	417.234.200	971.445.047.064	1.756.723.492.941
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2025	20.664.213.712	35.085.032.329	3.145.450.374	216.305.000	5.154.550.470	64.265.551.885
Khấu hao trong năm	659.064.900	-	42.245.000	7.500.000	-	708.809.900
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-	(1.395.038.374)	-	-	(1.395.038.374)
Giảm khác	-	(33.442.379)	-	-	-	(33.442.379)
Số dư tại ngày 31/12/2025	21.323.278.612	35.051.589.950	1.792.657.000	223.805.000	5.154.550.470	63.545.881.032
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	382.956.065.759	339.880.314.256	-	26.250.000	954.851.624.558	1.677.714.254.573
Tại ngày 31/12/2025	384.812.068.859	341.033.862.256	847.755.000	193.429.200	966.290.496.594	1.693.177.611.909

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2025 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 10.882.293.732 VND.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính**

	Trong năm				Đơn vị tính: VND
	31/12/2025		01/01/2025		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	22.947.679.410	30.459.423.068	7.511.743.658
<i>Vay cá nhân</i>	-	-	3.050.000.000	5.050.000.000	2.000.000.000
Nguyễn Nam Cường	-	-	1.000.000.000	1.400.000.000	400.000.000
Nguyễn Thị Hồng Vân	-	-	200.000.000	400.000.000	200.000.000
Nguyễn Tiến Tấn	-	-	200.000.000	400.000.000	200.000.000
Phạm Thu Hà	-	-	1.400.000.000	2.600.000.000	1.200.000.000
Đàm Thị Huyền	-	-	50.000.000	50.000.000	-
Nguyễn Tiến Năng	-	-	200.000.000	200.000.000	-
<i>Vay ngân hàng</i>	-	-	19.897.679.410	25.409.423.068	5.511.743.658
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hội sở	-	-	19.897.679.410	25.409.423.068	5.511.743.658
<b>Cộng</b>	-	-	22.947.679.410	30.459.423.068	7.511.743.658

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTVT THỦY LỢI SÔNG ĐÁY**  
Địa chỉ: Lê Trọng Tấn - P. Dương Nội - TP. Hà Nội

**Phụ lục số 03: Vốn chủ sở hữu**

		Đơn vị tính: VND				
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn Đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	1.355.544.040.746	1.442.720	-	321.376.020.000	1.676.921.503.466	
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	
Tăng vốn do nhận bàn giao công trình xây dựng cơ bản hoàn thành được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách	5.403.798.889	-	-	6.725.924.441	12.129.723.330	
Kết chuyển nguồn hình thành nhận bàn giao tài sản cố định được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	153.219.554.441	-	-	(153.269.453.441)	(49.899.000)	
Lãi, lỗ trong năm trước	-	-	13.143.143.132	-	13.143.143.132	
Giảm vốn do thanh lý tài sản	(156.028.771)	-	-	-	(156.028.771)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	(13.143.143.132)	-	(13.143.143.132)	
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>1.514.011.365.305</b>	<b>1.442.720</b>	<b>-</b>	<b>174.832.491.000</b>	<b>1.688.845.299.025</b>	
Tăng vốn do nhận bàn giao công trình xây dựng cơ bản hoàn thành được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách	-	-	-	16.422.159.000	16.422.159.000	
Kết chuyển nguồn hình thành nhận bàn giao tài sản cố định được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	168.492.408.000	-	-	(168.492.408.000)	-	
Giảm vốn do quyết toán công trình bàn giao	(1.314.670.964)	-	-	-	(1.314.670.964)	
Lãi, lỗ trong năm nay	-	-	18.981.029.809	-	18.981.029.809	
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(18.981.029.809)	-	(18.981.029.809)	
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>1.681.189.102.341</b>	<b>1.442.720</b>	<b>-</b>	<b>22.762.242.000</b>	<b>1.703.952.787.061</b>	

**Trong đó:**

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Điều 31, nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp ngày 13/10/2015.

<b>Nội dung phân phối</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	18.981.029.809
<b>Cộng</b>	<b>18.981.029.809</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)